TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/KDTM-ST
Ngày 05-10-2022
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 và 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng xây, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Sản xuất Sơn A; địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đồng An, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen, Chuan – Kuei, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phúc Chúc; địa chỉ: 302 đường Thích Quảng Đức, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 13-4-2020). Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V; địa chỉ: 36/10N đường Lê Thị Lơ, Thới Tây 2, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh người đại diện hợp pháp ông Trịnh Văn Dũng – Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/11/2018 Công ty TNHH Sản xuất Sơn A (Sau đây gọi tắc là Công ty A) và Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V (Công ty V) đã ký kết *"Hợp đồng thi công"* số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng. Công ty V phụ trách việc thi công nhà xưởng cho Công ty A theo các thỏa thuận tại hợp đồng thi công trong thời hạn từ 13/11/2018 đến 25/2/2018. Giá trị hợp đồng là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng Việt Nam).

Do việc thực hiện hợp đồng của V không đạt thời hạn như dự kiến, Công ty A và Công ty V đã ký lại một *"Phụ lục Hợp đồng xây dựng"* ngày 03/09/2019 thỏa thuận lại về các đợt thanh toán tiền và việc tiếp tục thi công xây dựng theo hợp đồng đã ký kết.

Từ 12/11/2018 đến 18/09/2019 Sơn A đã giao cho V tổng số tiền 5.900.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm triệu đồng), đúng với thỏa thuận thanh toán tại phụ lục hợp đồng đã ký với Công ty V.

Tuy nhiên, từ thời điểm Công ty A giao đủ tiền theo các đợt thanh toán, Công ty V đã không thực hiện việc thi công xây dựng nhà xưởng cho Công ty A, vi phạm tiến độ cũng như các hạng mục của nhà xưởng.

Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty V thực hiện thỏa thuận hợp đồng nhưng Công ty V tiếp tục không thực hiện. Tới ngày 30/09/2019, Công ty V gửi thông báo tới Công ty A về việc chậm thực hiện hợp đồng với những lý do bất hợp lý, lý do không có trong điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng thi công.

Do vậy Công ty A đã gửi yêu cầu Công ty V ngay lập tức thực hiện hợp đồng nếu đến hết 07/10/2019 mà Công ty V không thi công lại thì Công ty A tiến hành thanh lý hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Từ 07/10/2019 đến nay Công ty V không có bất cứ hành động nào thực hiện việc xây dựng nhà xưởng cho Công ty A.

Nhận thấy, Công ty V đã đưa ra những lý do không chính đáng cho việc chậm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận. Thiếu năng lực của nhà thầu, tự ý đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thi công Công trình nhà máy sản xuất Công ty A, gây thiệt hại cho Công ty.

Ngày 04-4-2020, Công ty A gửi công văn thông báo về việc chấm dứt hợp đồng cho Công ty V.

Ngày 09-04-2020, Công ty A tiếp tục có gửi công văn đến Công ty V yêu cầu Công ty V thực hiện các thủ tục để chấm dứt hợp đồng vào ngày 11-4-2020 và yêu cầu chịu phạt vi phạm và bồi thường hợp đồng.

Vì vậy, Căn cứ theo điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng Dân sự hiện hành quy định về quyền lựa chọn Tòa án giải quyết của nguyên đơn tại nơi thực hiện hợp đồng. Đối chiếu tại Điều 1 "Hợp đồng thi công" số 09-HĐ-XD/2018 về nơi thực hiện hợp đồng tại Khu công nghiệp Vsip II mở rộng *(thuộc địa bàn phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương)*. Vì vậy, nên Công ty A khởi kiện Công ty V ra Tòa án nhân dân thi xã T, tỉnh Bình Dương giải quyết.

- Buộc Công ty V chịu phạt vi phạm hợp đồng tạm tính từ 07/10/2019 đến ngày khi xét xử sơ thẩm 01/05/2020 là: 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đối

chiếu lại quy định về mức phạt vi phạm tại Điều 301 Luật thương mại không vượt quá 08% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm Công ty A tạm tính lại là: **640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng)**;

- Buộc Công ty V hoàn trả lại toàn bộ số tiền thanh toán cho Công ty A là: **5.900.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm triệu đồng).**

Vậy tổng cộng yêu cầu Công ty V bồi thường và thanh toán tổng số tiền là: 6.540.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Công ty TNHH sản xuất Sơn A xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu bồi thường nghĩa vụ vi phạm hợp đồng, cụ thể:

- Chấm dứt hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng ngày 09/11/2018 giữa Công ty TNHH Sản xuất Sơn A với Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V.

- Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH sản xuất Sơn A yêu cầu Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V thanh toán số tiền 640.000.000 đồng, nay Công ty A yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền 299.741.090 đồng.

- Đối với số tiền 5.900.000.000 đồng Công ty A yêu cầu Công ty V thanh toán. Nay Công ty A xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Sơn A đã thanh toán Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V. Cụ thể: số tiền 5.900.000.000 đồng khấu trừ phần Công ty TNHH đã xây dựng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến là 1.589.600.000 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng là 563.636.364 đồng. Như vậy, số tiền Công ty A yêu cầu Công ty V thanh toán còn lại là 3.746.763.636 đồng.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng giữa Công ty A với Công ty V.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty A, Công ty V có ý kiến về khối lượng công trình đã thực hiện và các chi phí mà Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V đã chi cụ thể:

- Các chi phí về việc xin cấp phép:

+ Xin cấp phép xây dựng, thẩm định dự án, bản vẽ thiết kế: 400.000.000 đồng (không có chứng từ).

+ Xin cấp giấy phép về Phòng cháy, chữa cháy: 200.000.000 đồng.

+ Xin giấy chứng nhận môi trường: 150.000.000 đồng.

+ Chi cho Công ty Lợi Tân (Chi trả thay cho Công ty TNHH sản xuất Sơn A do Công ty V nhận trọn gói thầu): 400.000.000 đồng.

* Các chi phí về việc xin cấp phép Công ty V có thông báo Công ty A được biết và hai bên đã có thống nhất.

- Chi phí cho việc thi công công trình: Công trình đã được thực hiện theo hợp đồng là trên 60%, tạm tính số đã chi cho việc thi công là 6.000.000.000 đồng. Khối lượng công trình còn lại khoảng 4.000.000.000 đồng (Đề nghị tính giá trị khối lượng công việc thực tế còn lại theo bản vẽ hai bên đã thống nhất, nếu thừa thiếu thì hai bên cấn trừ).

* Công ty V đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH sản xuất Sơn A với số tiền 6.200.000.000 đồng (Theo 02 Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000056 ngày 30/8/2019 và 0000057 ngày 05/9/2019).

Vì vậy, bị đơn Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Sơn A.

Tại chứng thư thẩm định giá số 48/TĐG-CT ngày 07/4/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến tổng giá trị tài sản thẩm định giá là 1.589.600.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đon Công ty TNHH sơn A, cụ thể: Buộc Công ty TNHH thiết kế xây dựng V thanh toán cho Công ty TNHH sơn A số tiền là 3.746.763.636 đồng và số tiền 299.741.090 đồng là tiền bồi thường vi phạm hợp đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH sơn A đối với số tiền khấu trừ khấu trừ phần Công ty TNHH đã xây dựng V theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến là 1.589.600.000 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 563.636.364 đồng và tiền bồi thường vi phạm hợp đồng là 340.258.910 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty A khởi kiện Công ty V về Hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng nên quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng xây dựng" được quy định tại

Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng và đương sự yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T nơi thực hiện hợp đồng giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng thi công nhà xưởng: Ngày 09/11/2018 Công ty A và Công ty V đã ký kết hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng. Công ty V phụ trách việc thi công nhà xưởng cho Công ty A theo các thỏa thuận tại hợp đồng thi công trong thời hạn từ 13/11/2018 đến 25/2/2018. Giá trị hợp đồng là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng Việt Nam) là đúng theo quy định Điều 472 Bộ luật Dân sự. Căn cứ theo hợp đồng Công Ty Vina–VCC phải hoàn thành công trình ngày 25/02/2019, nhưng do không thực hiện được nên hei bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng ngày 03/9/2019. Sau khi ký kết phụ lục hợp đồng Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty V thực hiện thỏa thuận hợp đồng nhưng Công ty V tiếp tục không thực hiện. Đến ngày 30/9/2019, Công ty V gửi thông báo tới Công ty A về việc chậm thực hiện hợp đồng. Do vậy Công ty A đã gửi yêu cầu Công ty V ngay lập tức thực hiện hợp đồng nếu đến hết 07/10/2019 mà Công ty V không thi công lại thì Công ty A tiến hành thanh lý hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, Công ty Vina không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Tại các buổi làm việc tại Tòa án đại diện Công ty A cũng đã nhiều lần thỏa thuận và cho Công ty V tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng Công ty V không thực hiện. Do đó, Công ty A yêu cầu chấm dứt hợp hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 ngày giữa Công ty A với Công ty V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về yếu tố lỗi: Việc hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng ngày 09/11/2018, không thực hiện được là do lỗi của Công ty V, không tiếp tục thực hiện hợp đồng.

[4] Căn cứ theo hợp đồng tại điểm Điều V về phương thức thanh toán thì Công ty A thanh toán cho Công ty V thành 03 đợt cụ thể: "Lần 1: Bên A thanh toán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng; Lần 2 Bên A thanh toán cho bên B 48% giá trị hợp đồng sau khi bên B thi công xong toàn bộ; Lần 3: Bên A thanh toán 02% giá trị còn lại để đảm bảo bảo hành thi công công trình (sau một năm tính từ ngày thanh toán lần 2) ". Để thực hiện hợp đồng ngày 12/11/2018 Công ty A chuyển khoảng thanh toán cho Công ty V số tiền 1.500.000.000 đồng, ngày 14/12/2018 Công ty A chuyển khoảng thanh toán cho Công ty V số tiền 1.300.000.000 đồng và ngày 01/7/2019, Công ty A chuyển khoảng thanh toán cho Công ty V số tiền 2.200.000.000 đồng. Sau đó, do việc thực hiện hợp đồng của Công ty V không đạt thời hạn như dự kiến theo quy định tại Điều III của hợp đồng thi công nên Công ty A và Công ty V đã ký lại một *"Phụ lục Hợp đồng xây dựng"* ngày 03/09/2019 thỏa thuận lại về các đợt thanh toán tiền và việc tiếp tục thi công xây dựng theo hợp đồng đã ký kết, Căn cứ theo phụ lục hợp đồng ngày 03/9/2019 thì sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty A thanh toán cho Công ty V 5.000.000.000 đồng và đến khi Công ty V hoàn thành

xong 70% khối lượng công trình thì Công ty A tiếp tục chuyển cho Công ty V số tiền 1.200.000.000 đồng, nhưng do Công ty V không tiếp tục thi công nên Công ty A chỉ chuyển cho Công ty V số tiền 900.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty A đã chuyển cho Công ty V là 5.900.000.000 đồng (Bao gồm thuế giá trị gia tăng). Công ty V thừa nhận đã nhận số tiền 5.900.000.000 đồng từ Công ty A, đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều IV hợp đồng thi công thì Công ty A sẽ nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận gói thầu, giai đoạn thi công xây dựng.

Nguyên đơn xác định chưa nghiệm thu công trình theo giai đoạn. Bị đơn cho rằng công trình đã được thực hiện 60% nhưng không cung cấp được các biên bản nghiệm thu công trình nên không cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty V còn yêu cầu khấu trừ các khoản chi phí cụ thể:

+ Xin cấp phép xây dựng, thẩm định dự án, bản vẽ thiết kế: 400.000.000 đồng (không có chứng từ).

+ Xin cấp giấy phép về Phòng cháy, chữa cháy: 200.000.000 đồng.

+ Xin giấy chứng nhận môi trường: 150.000.000 đồng.

+ Chi cho Công ty Lợi Tân (Chi trả thay cho Công ty TNHH sản xuất Sơn A do Công ty V nhận trọn gói thầu): 400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty V không cung cấp được các chứng cứ chứng minh nên yêu cầu nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thống nhất khấu trừ giá trị công trình là 1.589.600.000 đồng theo Chứng thư thẩm số 48/TĐG-CT ngày 07/4/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến và tiền thuế giá trị gia tăng là 563.636.364 đồng mà Công ty A được hoàn thuế yêu Công ty V và khấu trừ số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 340.258.910 đồng. Như vậy, Công ty V phải thanh toán số tiền còn lại là 3.746.763.636 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 299.741.090 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn Công ty TNHH sơn A rút một phần yêu cầu khởi kiện khởi kiện đối với số tiền Công ty V đã xây dựng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến là 1.589.600.000 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 563.636.364 đồng và tiền bồi thường vi phạm hợp đồng là 340.258.910 đồng. Xét, việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.493.222.274 đồng.

[6] Đối với số tiền Công ty A yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền còn lại là 3.746.763.636, xét thấy Công ty V không có chứng cứ chứng việc xây dựng công trình và đã hoàn thành công trình trên 60% như Công ty V đã trình bày, các bên cũng có biên bản nghiệm thu cong trình. Công ty V cũng không cung cấp được các chứng từ có liên quan để chứng minh các khoảng đã chi và việc ngừng xây dựng là do Công ty V tự ý và Công ty A đã nhiều lần tạo điều

kiện và nhắc nhở để Công ty V hoàn thành hợp đồng. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A buộc Công ty V phải thanh toán số tiền còn lại là 3.746.763.636 đồng.

[7] Đối với số tiền Công ty A yêu cầu Công ty V bồi thường nghĩa vụ vi phạm hợp đồng là 299.741.090 đồng. Tại mục [2], [3] xác định việc chấm dứt hợp đồng là do lỗi của Công ty V, do Công ty V vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng, do đó nguyên đơn yêu cầu Công ty V bồi thường nghĩa vụ vi phạm hợp đồng là 299.741.090 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với só tiền 2.493.222.274 đồng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng: Công ty V phải chịu chi phí thẩm định giá là 77.000.000 đồng.

[11] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty A không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 40; Điều 147; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 472, Điều 476; Điều 479; Điều 481, Điều 482 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 319 Luật thương mại.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Sơn A đối với bị đơn Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V về việc Tranh chấp hợp đồng thi công nhà xưởng, cụ thể:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.493.222.274 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

- Chấm dứt hợp đồng thi công số 09-HĐ-XD/2018 về việc thi công nhà xưởng ngày 09/11/2018 giữa Công ty TNHH Sản xuất Sơn A với Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V.

- Buộc Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Sơn A số tiền 4.046.504.726 đồng (Bốn tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ đối với số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Sơn A số tiền 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V phải chịu án phí 112.046.505 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm lẽ năm đồng).

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Sơn A 57.270.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0037931 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01) ;
- VKSND thị xã T (01) ;
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Sơn